TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022**/HNGĐ-ST
Ngày **09/3/2022**
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Võ Thị Ngọc The**

2. Ông **Ngô Rô Be**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Mộng N** - sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Tấn Đ** - sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng N trình bày:**

Chị Huỳnh Thị Mộng N và anh Trương Tấn Đ tìm hiểu quen biết nhau khoảng 1 tháng rồi tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang ngày 31/12/2014.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh Đ thường sử dụng ma túy chị N có khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi, anh Đ không lo làm ăn, nên

tháng 3/2021 chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 3/2021 cho đến nay.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ .

- *Về con chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Trương Tấn Đ để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Trương Tấn Đ vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2022, bị đơn anh Trương Tấn Đ trình bày:** anh Đ thống nhất với ý kiến của chị N về ngày tháng chung sống, có đăng ký kết hôn, không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: anh Đ không đồng ý ly hôn với chị N .

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ, do bị giam giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang không tham dự các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Mộng N .

- *Về quan hệ con chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa hợp lệ, anh Trương Tấn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Trương Tấn Đ .

Xét thấy anh Đ chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ chung sống với nhau được UBND xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 134, ngày 31/12/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N cho rằng do anh Đ thường sử dụng ma túy chị N có khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi, anh Đ không lo làm ăn, nên tháng 3/2021 chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không hạnh phúc.

Tại phiên tòa, chị N thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị N và anh Đ hai bên đã ly thân với nhau từ tháng 3/2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N được ly hôn với anh Đ .

Đối với yêu cầu của anh Đ không đồng ý ly hôn với chị N , trong thời gian ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay anh Đ không thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác chị N cho rằng không còn tình cảm với anh Đ , do đó Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Đ .

[3] Về quan hệ con chung: Chị N xác nhận chung sống với anh Đ không có con và hiện tại cũng không có thai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang và nợ chung: Chị N và anh Đ xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Mộng N được ly hôn với anh Trương Tấn Đ .

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Mộng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004631 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Trương Tấn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến